

Bản án số: **16/2019/KDTM-ST**  
Ngày: 21-11-2019  
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 21/2019/TLST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S.** Địa chỉ: Số 31 đường A, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc Ch, chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, chức vụ: Trưởng ban thu hồi công nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn S. Có mặt

2. **Bị đơn: Công ty cổ phần Đ.** Địa chỉ: Số 265 đường D, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Đào Xuân Ch, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2019; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:**

Vào ngày 19 tháng 12 năm 2016, Công ty cổ phần Đ có ký hợp đồng làm đại lý tiêu thụ sản phẩm Sơn và chống thấm Alkaza do Công ty trách nhiệm hữu hạn S cung cấp. Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2018. Ngày 01

tháng 3 năm 2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn S ký lại hợp đồng với Công ty cổ phần Đ. Sau khi ký lại hợp đồng lần hai, Công ty cổ phần Đ đã không giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty trách nhiệm hữu hạn S. Theo khoản 3, Điều 7 của Hợp đồng số: 8041/2018/HĐĐLPP quy định “*Trong thời gian 90 ngày mà bên B không giao dịch mua bán hàng với bên A đồng nghĩa với việc bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bên A và Bên B có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ khoản nợ tiền hàng cho Bên A*”. Vậy sau 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Công ty cổ phần Đ phải thanh toán hết khoản tiền nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, bà Lê Đào Xuân Ch là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ đã viết Giấy gia hạn nợ và đề nghị thanh toán cho Công ty chúng tôi theo lộ trình sau:

- Ngày 30 tháng 10 năm 2018: 30.000.000 đồng.
- Ngày 20 tháng 11 năm 2018: 30.000.000 đồng.
- Ngày 05 tháng 12 năm 2018: 32.307.740 đồng.

Dù đã cam kết nhưng tới nay Công ty cổ phần Đ vẫn chưa thanh toán bất cứ khoản nợ nào, mặc dù công ty chúng tôi đã nhiều lần thông báo nhắc nhở.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần Đ phải trả Công ty trách nhiệm hữu hạn S số tiền tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là 112.538.518 đồng (một trăm mười hai triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn, năm trăm mười tám đồng), trong đó nợ gốc là 92.307.740 đồng, nợ lãi chậm trả (từ 01 tháng 3 năm 2018 đến 01 tháng 11 năm 2019) là 20.230.778 đồng (Lãi suất được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 306 Luật thương mại là 13,15%/năm).

***Đối với bị đơn Công ty cổ phần Đ vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần.***

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn S khởi kiện đối với Công ty cổ phần Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Công ty cổ phần Đ có trụ sở tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Tại phiên tòa, Công ty cổ phần Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện: Tại phiên tòa, đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn S yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần Đ phải trả Công ty trách nhiệm

hữu hạn S số tiền tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là 112.538.518 đồng (Một trăm mười hai triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn, năm trăm mười tám đồng), trong đó nợ gốc là 92.307.740 đồng, nợ lãi chậm trả (từ 01 tháng 3 năm 2018 đến 01 tháng 11 năm 2019) là 20.230.778 đồng (Lãi suất được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 306 Luật thương mại là 13,15%/năm).

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa thể hiện:

Vào ngày 19 tháng 12 năm 2016, Công ty cổ phần Đ có ký hợp đồng đại lý phân phối số 1912/HĐĐLPP/2016 với Công ty trách nhiệm hữu hạn S. Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2018. Ngày 01 tháng 3 năm 2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn S ký tiếp hợp đồng đại lý phân phối số 8041/2018/HĐĐLPP với Công ty cổ phần Đ. Nội dung 02 Hợp đồng trên là Công ty cổ phần Đ mua hàng hóa là sơn, bột bả, vật liệu chống thấm mang nhãn hiệu Alkaza của Công ty trách nhiệm hữu hạn S. Hai bên còn thỏa thuận phương thức giao nhận, phương thức thanh toán, giá cả và một số nội dung khác. Xét thấy việc giao kết Hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với quy định tại Chương II Luật thương mại.

Thực hiện hợp đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty cổ phần Đ. Ngày 31 tháng 10 năm 2017, Công ty cổ phần Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn S có ký xác nhận sổ chi tiết phải thu - nhà phân phối Đ, nội dung thể hiện tiền hàng còn thiếu là 92.307.740 đồng. Ngày 25 tháng 10 năm 2018, Công ty cổ phần Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn S tiếp tục ký xác nhận công nợ cũng với số tiền 92.307.740 đồng. Tuy nhiên đến nay Công ty cổ phần Đ vẫn chưa thanh toán số tiền trên và cũng không giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty trách nhiệm hữu hạn S. Như vậy, Công ty cổ phần Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 3 của Hợp đồng số 1912/HĐĐLPP/2016 ngày 19 tháng 12 năm 2016 và vi phạm quy định tại Điều 50, 55 Luật thương mại. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S đối với số tiền hàng là 92.307.740 đồng.

Đối với yêu cầu về số nợ lãi chậm thanh toán từ 01 tháng 3 năm 2018 đến 01 tháng 11 năm 2019 là 20.230.778 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo thỏa thuận tại Điều 3 Hợp đồng số 1912/HĐĐLPP/2016 ngày 19 tháng 12 năm 2016 và Điều 3 Hợp đồng số 8041/2018/HĐĐLPP ngày 01 tháng 3 năm 2018 thì thời điểm thanh toán tiền hàng được tính là ngày cuối cùng của tháng. Mặt khác, vào ngày 31 tháng 10 năm 2017, hai bên đã ký xác nhận công nợ. Do đó, Công ty trách nhiệm hữu hạn S chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán bắt đầu từ thời điểm ngày 01 tháng 3 năm 2018 đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là đã có lợi cho Công ty cổ phần Đ, mức lãi suất 13,15%/năm là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại, nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm thanh toán trên của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu 5.626.925 đồng (112.538.518 x 5%) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ

luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.611.155 đồng (Hai triệu, sáu trăm mười một ngàn, một trăm năm mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0005058 ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50, 55, 306 Luật thương mại; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S đối với Công ty cổ phần Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

1. Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S số tiền 112.538.518 đồng (Một trăm mười hai triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn, năm trăm mười tám đồng), trong đó nợ gốc là 92.307.740 đồng (Chín mươi hai triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm bốn mươi đồng), nợ lãi chậm trả (tính từ 01 tháng 3 năm 2018 đến 01 tháng 11 năm 2019) là 20.230.778 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm ba mươi ngàn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2019, Công ty cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu 5.626.925 đồng (Năm triệu, sáu trăm hai mươi sáu ngàn, chín trăm mười lăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.611.155 đồng (Hai triệu, sáu trăm mười một ngàn, một trăm năm mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0005058 ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc Hưng**